

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 68/2021/DS-ST
Ngày: 25 / 5 / 2021
“V/v tranh chấp hợp đồng dân
sự vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thái Chí Bình.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Phước Công;
2. Bà Đào Thị Thu Vân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Kiệt, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Hồ Thanh Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 413/2020/TLST-DS ngày 10 tháng 11 năm 2020 về việc “tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 208/2021/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 220/2021/QĐST-DS ngày 29 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1986; địa chỉ: số A, khóm B, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp; có mặt.

Bị đơn: Ông Nguyễn Tuấn T1, sinh năm 1983; địa chỉ: số B, ấp A, xã H, huyện C, tỉnh An Giang; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị T cho rằng, vào ngày 11/5/2018, ông Nguyễn Tuấn T1 có vay của bà T số tiền 6.000.000 đồng, lãi suất 02%/tháng, thời hạn vay 02 tháng. Khi vay, hai bên có lập biên nhận ngày 11/5/2018 do bà T đánh máy trước rồi ông T1 có ký tên vào biên nhận. Đến hạn trả nợ, ông T1 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc, nợ lãi theo thỏa thuận, mặc dù, bà T đã nhiều lần yêu cầu.

Vì vậy, bà T yêu cầu ông T1 trả số nợ gốc 6.000.000 đồng và tính lãi từ tháng 5/2018 đến tháng 10/2020 là 28 tháng, lãi suất 2%/tháng với số tiền lãi 3.360.000 đồng; tổng cộng 9.360.000 đồng.

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp chứng minh cho ý kiến, yêu cầu khởi kiện là Biên nhận tiền ngày 11/5/2018 có chữ ký, đề họ tên bên vay Nguyễn Tuấn T1 (bản photo).

- Ông Nguyễn Tuấn T1 đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn trình bày ý kiến, yêu cầu như đã cung cấp trong giai đoạn chuẩn bị xét xử; xác định không còn tài liệu, chứng cứ nào khác để cung cấp thêm.

Bên cạnh đó, bà T còn khai, không có tài liệu, chứng cứ chứng minh thời hạn vay 02 tháng và việc các bên có thỏa thuận lãi suất 2%/tháng. Khi đến hạn trả nợ, do ông T1 không trả nợ nên bà T đã yêu cầu trả nợ vào ngày 22/7/2018 và cho thời hạn trả nợ trong 01 tháng đến ngày 22/8/2018. Thời hạn tính lãi 28 tháng mà bà T yêu cầu trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, được tính từ 01/6/2018 đến 30/9/2020.

Bà T thay đổi, xác định lại yêu cầu khởi kiện, yêu cầu ông T1 trả nợ vốn 6.000.000 đồng và nợ lãi trong khoảng thời gian từ 01/6/2018 đến ngày 30/9/2020 với mức lãi suất do pháp luật quy định và thời điểm bắt đầu tính lãi theo quy định pháp luật.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 71, 234 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn ông Nguyễn Tuấn T1 đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử là phù hợp Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Ngày 11/5/2021, ông T1 vay của bà T số tiền 6.000.000 đồng, có làm biên nhận và trong biên nhận nợ không thỏa thuận lãi suất, không thỏa thuận thời gian vay. Sau đó, ông T1 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Vì vậy, bà T yêu cầu ông T1 trả nợ vốn 6.000.000 đồng. Tại phiên tòa, bà T yêu cầu tính lãi suất từ ngày 23/8/2018 đến ngày 30/9/2020 với mức lãi suất theo quy định pháp luật.

Ông T1 đã được Tòa án triệu tập nhưng vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, nên không ghi nhận được ý kiến.

Xét thấy, căn cứ bà T khởi kiện là biên nhận nợ ngày 11/5/2018 thể hiện ông T1 vay của bà T 6.000.000 đồng, có chữ ký của ông T1. Cho nên, việc bà T khởi kiện yêu cầu ông T1 trả nợ vốn 6.000.000 đồng là có căn cứ.

Về lãi suất, do ông T1 vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên bà T yêu cầu tính lãi suất là phù hợp với Điều 469 Bộ luật Dân sự. Tuy nhiên, mức lãi suất được áp dụng theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự là 10%/năm.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 463, 466, khoản 2 Điều 468, Điều 469 Bộ luật Dân sự, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T đối với ông T1; buộc ông T1 trả cho bà T nợ vốn 6.000.000 đồng và tính lãi suất 10%/năm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

** Về tố tụng:*

[1] *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:* Bà Nguyễn Thị T khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Tuấn T1 trả nợ vay. Ông T1 đang cư trú trên địa bàn huyện C nên yêu cầu kiện của bà T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về sự vắng mặt của đương sự:* Trước khi phiên tòa được mở, ông T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt. Cho nên, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Thnah theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

** Về nội dung:*

[3] Về việc xác lập và thực hiện hợp đồng:

Bà Nguyễn Thị T khai, ông T1 vay của bà T số tiền 6.000.000 đồng vào ngày 11/5/2018, với thời hạn vay 02 tháng kể từ ngày vay, lãi suất 2%/tháng. Đến hạn trả nợ, ông T1 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận, mặc dù, bà T đã nhiều lần yêu cầu.

Tuy nhiên, biên nhận nợ ngày 11/5/2018 không thể hiện thời hạn vay, lãi suất vay như bà T trình bày. Đồng thời, bà T không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh khoản vay đang tranh chấp là khoản vay có thỏa thuận thời hạn, có thỏa thuận lãi suất.

Vì vậy, có căn cứ xác định ông T1 vay của bà T số tiền 6.000.000 đồng, không thỏa thuận lãi suất, không thỏa thuận thời hạn và chưa thanh toán nợ.

[4] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, bà T yêu cầu ông T1 trả cho bà T nợ vốn 6.000.000 đồng và nợ lãi trong 28 tháng (từ tháng 5/2018 đến tháng 10/2020), lãi suất 2%/tháng với số tiền lãi 3.360.000 đồng.

Tại phiên tòa, bà T thay đổi, xác định lại yêu cầu khởi kiện, yêu cầu ông T1 trả nợ vốn 6.000.000 đồng và nợ lãi trong khoảng thời gian từ 01/6/2018 đến ngày 30/9/2020 với mức lãi suất do pháp luật quy định và thời điểm bắt đầu tính lãi theo quy định pháp luật.

Theo khoản 1 Điều 469 Bộ luật Dân sự năm 2015, đối với hợp đồng vay không kỳ hạn và không có lãi thì bên cho vay có quyền đòi lại tài sản vào bất cứ lúc nào nhưng phải báo cho bên vay biết trước một thời gian hợp lý, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

Đồng thời, tại phiên tòa, bà T khai lần đầu yêu cầu trả nợ vào ngày 22/7/2018 và cho ông T1 trả nợ trong 01 tháng đến ngày 22/8/2018.

Do đây là khoản vay không thỏa thuận lãi suất, không thời hạn nên ông T1 phải trả tiền lãi kể từ ngày kết thúc thời gian hợp lý mà bà T yêu cầu ông T1 trả nợ. Theo đó, tiền lãi mà bên vay phải thanh toán từ ngày đến hạn thanh toán 23/8/2018 cho đến ngày 30/9/2020 là:

$6.000.000 \text{ đồng} \times 0,833\%/\text{tháng} \times 25,3 \text{ tháng} = 1.264.494 \text{ đồng}.$

Như vậy, tổng số nợ vốn, lãi mà bên vay còn nợ bên cho vay là 7.264.494 đồng.

Do ông T1 vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên bà T khởi kiện yêu cầu ông T1 trả số nợ còn lại và yêu cầu trả lãi là phù hợp với quy định tại các Điều 466, 468, 469 Bộ luật Dân sự năm 2015. Vì vậy, buộc ông T1 có nghĩa vụ trả cho bà T nợ vay 7.264.494 đồng.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải thanh toán cho bà T là 363.225 đồng.

Bà T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn lại cho bà T số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà bà T đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 463, 466, 468, 469 Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 147, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T.

Buộc ông Nguyễn Tuấn T1 có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị T số nợ vay 7.264.494 (*bảy triệu, hai trăm sáu mươi bốn nghìn, bốn trăm chín mươi bốn*) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Tuấn T1 phải chịu 363.225 (ba trăm sáu mươi ba nghìn, hai trăm hai mươi lăm) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số TU/2016/0013872 ngày 10/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

3. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bà Nguyễn Thị T có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của ông Nguyễn Tuấn T1 được tính là 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND H. Chợ Mới;
- TAND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Thái Chí Bình